

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH VIỆT MỸ NAM ĐỊNH
 Địa chỉ : Lô N5, đường D6, khu công nghiệp Hòa Xá, phường Thành Nam, tỉnh Ninh Bình
 Địa điểm quan trắc : Lô N5, đường D6, khu công nghiệp Hòa Xá, phường Thành Nam, tỉnh Ninh Bình
 Vị trí lấy mẫu : - NT.281125-014- Nước thải tại hố ga cuối sau hệ thống xử lý trước khi thải ra ngoài khu công nghiệp, tọa độ X=2259176, Y=566467 (NT)
 Tên mẫu/ Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
 Ngày lấy mẫu : 28/11/2025 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 13/12/2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT
				NT	Cột B, Cmax
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	SMEWW 2550B:2023	26,3	40
2	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,13	5,5 - 9
3	Chì ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,001)	0,54
4	Tổng phenol ^(b)	mg/L	TCVN 6216:1996	KPH (MDL=0,001)	0,54
5	Tổng dầu mỡ khoáng ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (MDL=1,1)	10,8
6	Clo dư ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	KPH (MDL=0,1)	2,16
7	COD ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	13,1	162
8	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	5,5	54
9	Độ màu ^(b)	Pt-Co	TCVN 6185.C:2015	7,5	-
10	TSS ^(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	3,8	108
11	Sunfua (S ²⁻) ^(b)	mg/L	TCVN 6637:2000	KPH (MDL=0,02)	0,54
12	Amoni (tính theo N) ^(b)	mg/L	TCVN 5988:1995	7,2	10,8
13	Tổng Nito ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	17,4	43,2
14	Tổng phosphor (Tổng P) ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	KPH (MDL=0,02)	6,48
15	Sắt ^(b)	mg/L	TCVN 6177:1996	0,06	5,4
16	Tổng Coliforms ^(b)	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	1,0×10 ²	5.000

Ghi chú:

+ KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

1. (-) Không quy định

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts

5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ

7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas

4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội

6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm

8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải Công nghiệp (Áp dụng quy chuẩn so sánh theo nội dung giấy phép môi trường số 81/GPMT-UBND do UBND tỉnh Nam Định cấp ngày 13/01/2025)

Cột B: Giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

+ $C_{max} = C \times K_q \times K_f$ (Với $K_q=0,9$, $K_f=1,2$; đối với các thông số nhiệt độ, độ màu, pH, coliform thì $C_{max} = C$)

Hà Nội, ngày 13 tháng 12 năm 2025

TP. PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thị Duyên

CÁN BỘ QA/QC

Hoàng Thị Kim Anh

GIÁM ĐỐC



ThS. Nguyễn Văn Hòa

1. (-) Không quy định

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts

5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ

7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas

4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội

6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm

8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.